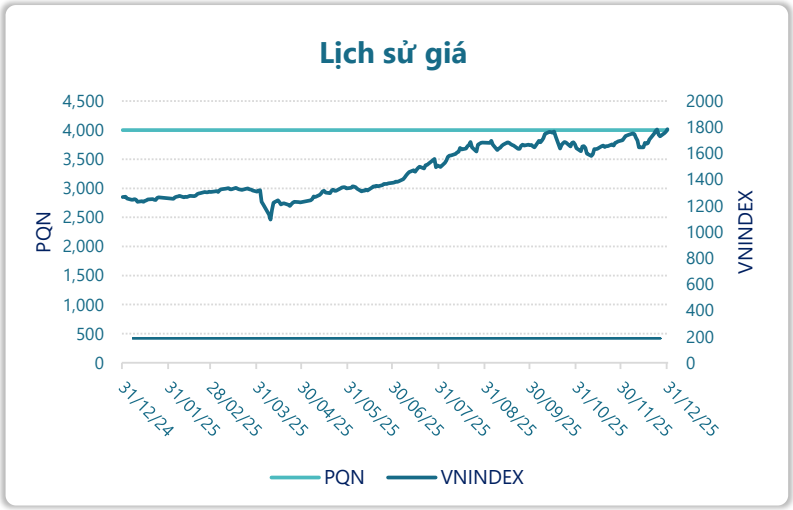
FireAnt

CTCP Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC (UPCOM: PQN)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
P/E	3.6
EPS	1,113

DT thuần

Q4/25

477

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 155| 48.3%

YoY: ▲ 58.0| 14.0%

LN sau thuế

Q4/25

8.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.08| 31.8%

YoY: ▲ 2.60| 43.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.7%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2025

1,563

tỷ VNĐ

YoY: ▼40.0| -2.5%

LN sau thuế

2025

33.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.10| 18.1%

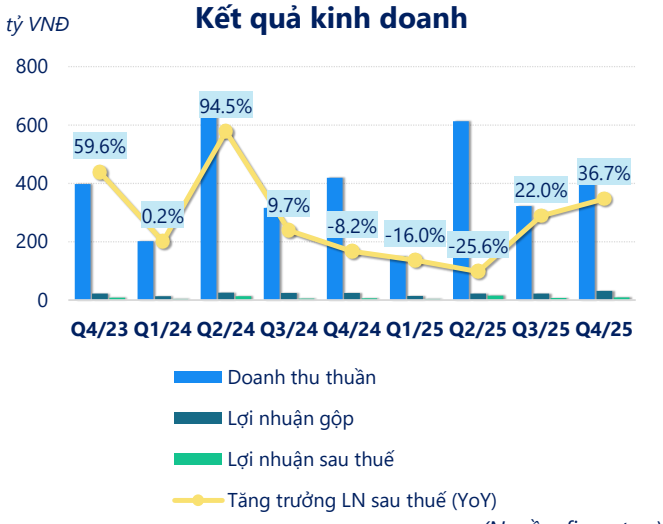
ROE

2025

17.4%

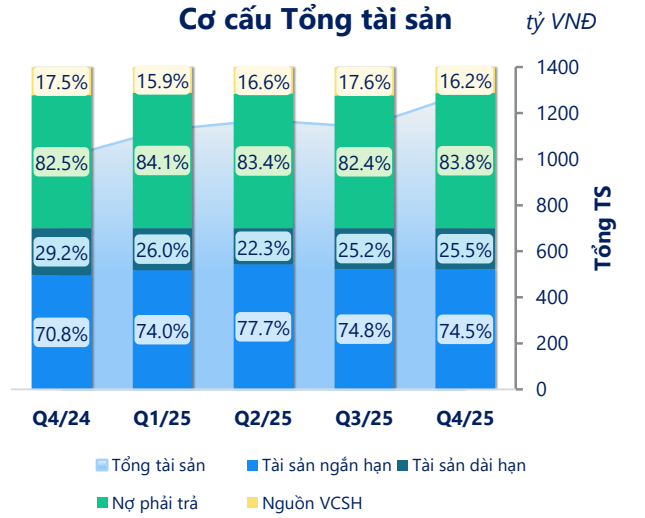
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



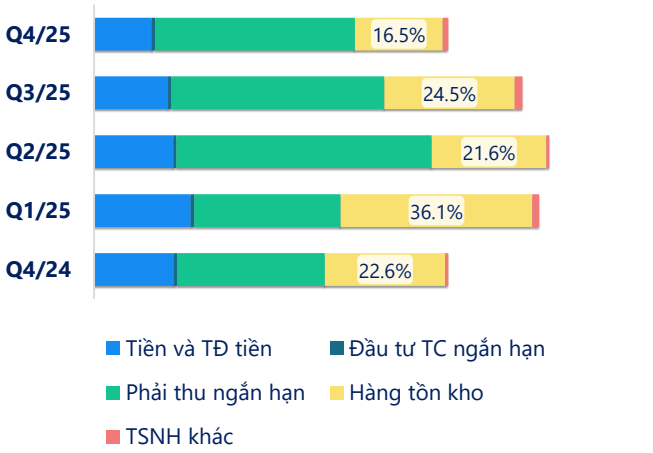
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



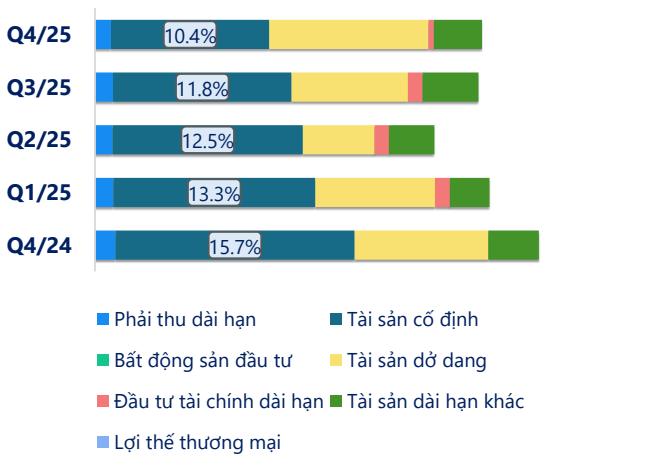
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



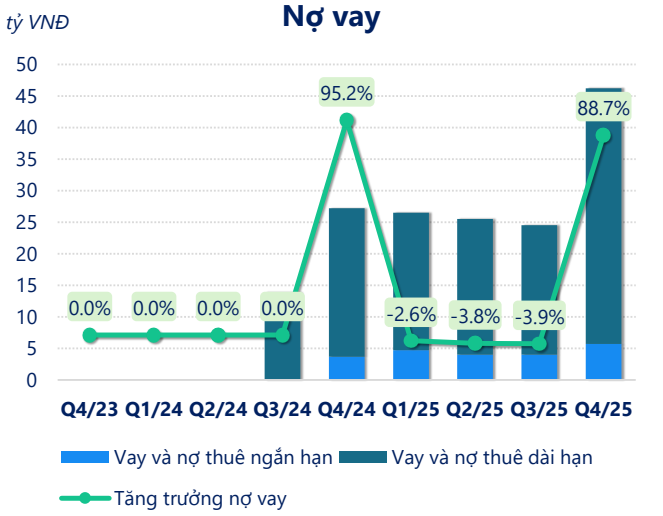
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



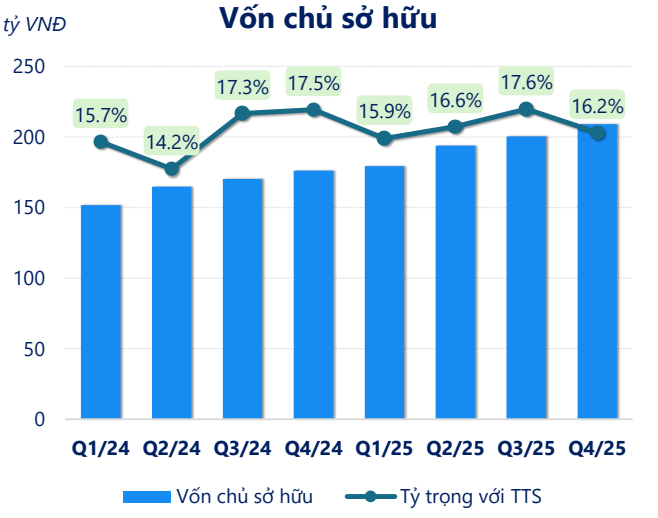
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



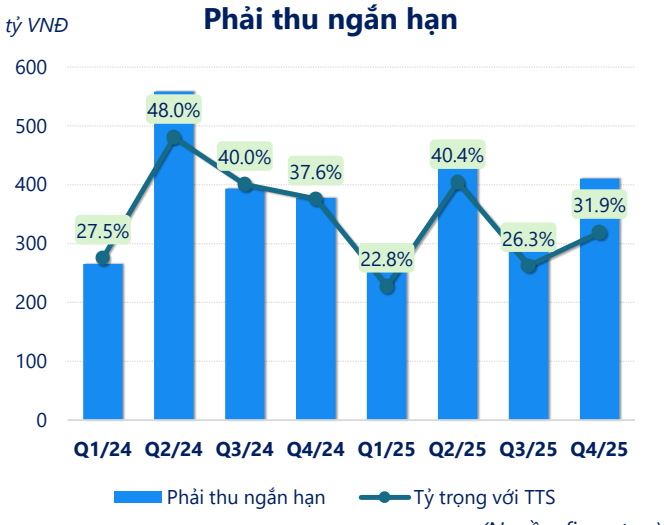
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



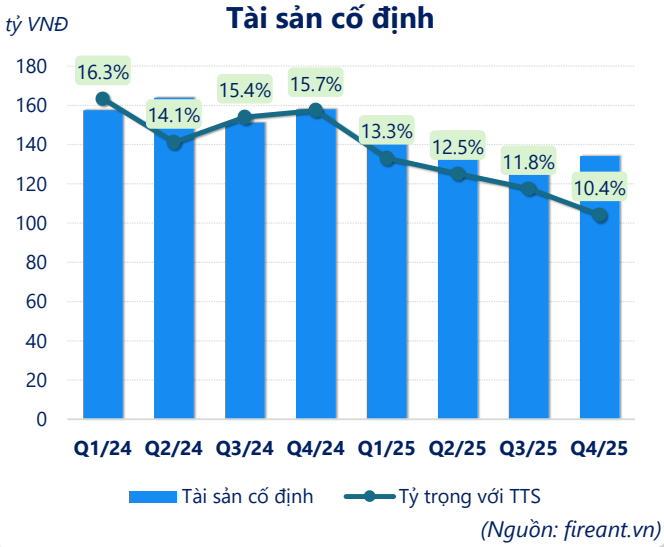
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



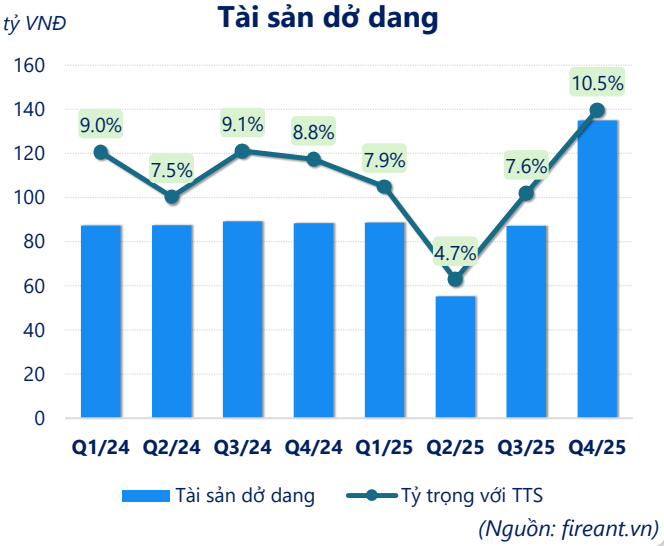
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



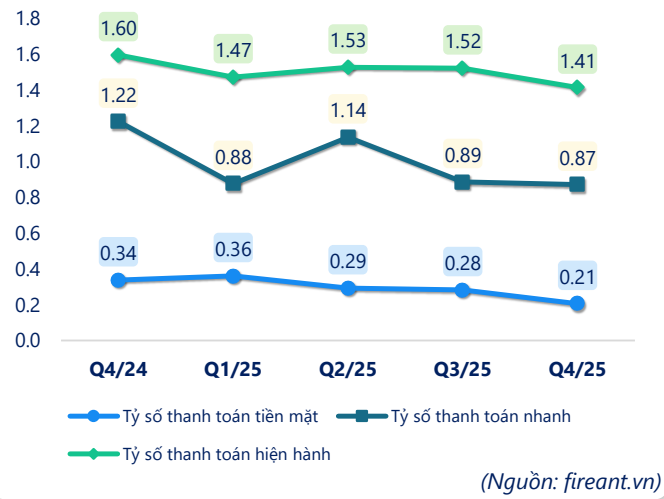
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



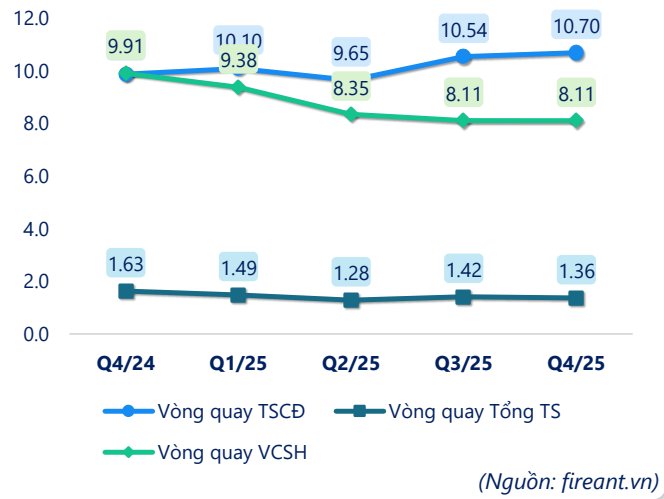
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,004**	**1,126**	**1,169**	**1,140**	**1,287**
Tài sản ngắn hạn	**711**	**834**	**908**	**852**	**959**
Tiền và tương đương tiền	150	204	174	158	139
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	6.40	6.40	6.50
Phải thu ngắn hạn	378	256	472	299	410
Hàng tồn kho	166	338	232	356	368
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	28.7	23.2	32.4	35.0
Tài sản dài hạn	**293**	**293**	**261**	**288**	**328**
Phải thu dài hạn	13.5	13.5	13.5	13.5	13.5
Tài sản cố định	158	150	147	134	134
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	88.4	88.7	55.1	87.2	135
Đầu tư tài chính dài hạn	0	11.0	11.0	11.0	4.50
Tài sản dài hạn khác	33.5	29.4	35.1	42.1	40.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**828**	**947**	**975**	**940**	**1,078**
Nợ ngắn hạn	**445**	**566**	**595**	**560**	**678**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.70	4.70	4.00	4.00	5.70
Phải trả người bán ngắn hạn	241	266	367	310	396
Nợ dài hạn	383	381	381	380	400
Vay và nợ thuê dài hạn	23.5	21.8	21.5	20.5	40.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**176**	**179**	**194**	**200**	**209**
Vốn chủ sở hữu	**176**	**179**	**194**	**200**	**209**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)